

Số: **1160** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **01** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển tổ chức khoa học và công nghệ,
doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học
và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của
Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2016 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và
công nghệ công lập đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến
năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký
hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh
của tổ chức khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân
cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN ngày 10 tháng 3 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí phân loại, điều kiện
thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;*

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 39/TTr-KHCN ngày 27 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án hỗ trợ, phát triển tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án, đồng thời kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX.
- (Tuannb/QĐ.21.T06.21)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Lượng

ĐỀ ÁN

Hỗ trợ, phát triển tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số *1100*/QĐ-UBND ngày *01*/6/2021 của UBND tỉnh)

Phần Mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Ngày 25/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 696/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm để phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ là “*Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới*”.

Bước sang giai đoạn 2021-2025, khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc gia nhập các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, tác động đa chiều của tự do hóa thương mại và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ (KH&CN) sẽ mang lại cơ hội và thách thức cho các quốc gia đi sau như Việt Nam. Mô hình tăng trưởng dựa vào gia tăng vốn đầu tư, lao động giá rẻ và nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo đã không còn thích hợp. Nếu không có các giải pháp phát triển đột phá, đặc biệt là dựa vào nhân tố KH&CN và đổi mới sáng tạo thì khó có thể đưa nền kinh tế phát triển.

Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp KH&CN là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN là nơi nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, triển khai sản xuất, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; do đó có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực KH&CN và phát triển thị trường KH&CN.

Để hỗ trợ, phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, Chính phủ đã ban hành các Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ với nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt (Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007; hiện nay là Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012, Quyết định 1381/QĐ-TTg ngày 12/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 592/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Thái Nguyên nằm trong vùng thủ đô Hà Nội, là một trong những tỉnh trung tâm của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức. Với tiềm năng nguồn nhân lực, trí tuệ dồi dào (có Đại học Thái Nguyên là Đại học vùng trên địa bàn tỉnh), tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng KH&CN, Thái Nguyên có thể đi thẳng vào những công nghệ hiện đại để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 đã nêu nhiệm vụ, giải pháp về KH&CN, đó là “*Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp KH&CN, từng bước hình thành các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng Trung du, miền núi phía Bắc. Khuyến khích hỗ trợ việc hình thành các tổ chức tư vấn, dịch vụ, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, tăng tỷ lệ thương mại hóa các sản phẩm KH&CN*”.

Trong những năm qua, hoạt động KH&CN có đóng góp ngày càng cao trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tỷ trọng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh, giai đoạn 2016-2019 đạt 53,24%, cao hơn mức bình quân của giai đoạn 2011-2015 (đạt 26,83%)¹. Trong sự phát triển chung hoạt động KH&CN của tỉnh, có sự đóng góp quan trọng của các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN.

Hiện nay, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh đã hình thành và từng bước phát triển. Tuy nhiên, năng lực, số lượng, chất lượng hoạt động của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng.

Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, việc thực hiện “*Đề án hỗ trợ, phát triển tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025*” là thực sự cần thiết.

¹ Nguồn: Sở KH&CN

2. Căn cứ pháp lý của Đề án

*** Văn bản của Trung ương:**

- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;
- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKH&CN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN;
- Thông tư số 01/2021/TT-BKH&CN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;
- Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN ngày 10/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các tổ chức KH&CN công lập.

*** Văn bản của Tỉnh:**

- Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Chương trình của các phiên họp UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh năm 2021.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi của Đề án

- Phạm vi về không gian: Tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi về thời gian: Đề án được thực hiện trong giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025.

2. Đối tượng của Đề án

- Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã được cấp Giấy chứng nhận (được Sở KH&CN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN, Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN);

- Các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN được thành lập theo quy định;

- Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả KH&CN có khả năng ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa, có sức cạnh tranh để làm cơ sở thành lập doanh nghiệp KH&CN;

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến triển khai Đề án.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC KH&CN, DOANH NGHIỆP KH&CN

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KH&CN

1. Tình hình phát triển doanh nghiệp KH&CN trên toàn quốc

Tính đến hết năm 2020, cả nước đã có 538 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN. Có 58/63 Sở KH&CN đã thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN. Trong đó, những tỉnh, thành phố phát triển mạnh về doanh nghiệp KH&CN, tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong hoạt động cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Bảng 1: Số lượng doanh nghiệp KH&CN tại một số tỉnh/thành phố điển hình

Tỉnh/thành phố	Số lượng DN KH&CN tính đến hết năm 2019	Số lượng DN KH&CN tính đến hết năm 2020
Hà Nội	60	90
Hồ Chí Minh	78	88
Thanh Hóa	24	27
Quảng Ninh	11	16
Long An	13	14

Nguồn: Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN

Những tỉnh, thành phố khác có số lượng doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận trên 10 doanh nghiệp có: Sơn La, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hòa Bình.

- Về lĩnh vực công nghệ: doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận có kết quả KH&CN thuộc hầu hết các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển, trong đó chủ yếu: công nghệ sinh học (39,3%), công nghệ tự động hóa (21,3%), công nghệ thông tin (16%).

- Về cơ cấu vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp KH&CN chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân (97,7% doanh nghiệp không có vốn nhà nước). Doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm khoảng 2,3% tổng số doanh nghiệp KH&CN được cấp Giấy chứng nhận (chủ yếu là doanh nghiệp trong lĩnh vực giống, y dược và bảo vệ môi trường).

- Về hưởng các ưu đãi đối với doanh nghiệp KH&CN: Theo số liệu của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN - Bộ KH&CN (2019), tổng số doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi là 162 doanh nghiệp, với tổng kinh phí ưu đãi, hỗ trợ là 593,827 tỷ đồng. Trong đó: 80 doanh nghiệp được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (kinh phí 185,931 tỷ đồng); 24 doanh nghiệp được miễn giảm tiền thuê đất (kinh phí 219,513 tỷ đồng); 10 doanh nghiệp được vay vốn tín dụng ưu đãi (kinh phí 41,767 tỷ đồng); 58 doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có ngân sách hỗ trợ (kinh phí 146,634 tỷ đồng).

2. Tình hình phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua, hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển khá, tăng nhanh về số lượng đăng ký và hoạt động ngày càng hiệu quả. Năm 2016, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động là 5.484 doanh nghiệp. Năm 2017, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động là 5.955 doanh nghiệp, tăng 8,59% so với năm 2016. Sau khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành có hiệu lực đã tạo điều kiện cho số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng từ 5.955 doanh nghiệp (2017) lên 6.598 doanh nghiệp (2018) và 6.832 doanh nghiệp (2019).

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng số doanh nghiệp thành lập mới vẫn tăng thêm 747 doanh nghiệp (tăng 0,4% so với cùng kỳ), với tổng số vốn đăng ký là 6,5 nghìn tỷ đồng (giảm 13,2% so với cùng kỳ), nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 7.492² doanh nghiệp (số doanh nghiệp đang hoạt động là 7.066 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 426 doanh nghiệp); số doanh nghiệp nhỏ và vừa là 7.421 doanh nghiệp (chiếm 99,14% số doanh nghiệp).

Trong thực tế có nhiều doanh nghiệp tiềm năng có thể đáp ứng các tiêu chí của doanh nghiệp KH&CN và đang kinh doanh có hiệu quả. Các doanh nghiệp

² Nguồn: Sở KH&ĐT

này hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư nghiên cứu KH&CN để phát triển các sản phẩm mới. Một số doanh nghiệp sử dụng các kết quả nghiên cứu từ các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao để ươm tạo và làm chủ công nghệ. Các công nghệ được chuyển giao tập trung chủ yếu trong một số lĩnh vực cụ thể như công nghệ sinh học phục vụ trong nông nghiệp và giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường.

Tuy nhiên, để có thể đáp ứng các yêu cầu về chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, các doanh nghiệp tiềm năng cần phải có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả KH&CN là kết quả của các chương trình, đề tài, đề án, dự án KH&CN, kết quả của các dự án nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật; các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn đã được cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật; chương trình máy tính. Do vậy cần có những biện pháp hỗ trợ đối với các doanh nghiệp này để đáp ứng điều kiện trở thành doanh nghiệp KH&CN.

3. Tình hình phát triển các hợp tác xã (HTX) trên địa bàn tỉnh

Năm 2020, tỉnh Thái Nguyên có 73 HTX thành lập mới, nâng tổng số HTX đăng ký trên địa bàn toàn tỉnh lên 583 HTX³ (trong đó: có 366 HTX nông nghiệp, 217 HTX phi nông nghiệp; số HTX đang hoạt động là 369; số HTX tạm ngừng hoạt động là 214) với gần 43.000 thành viên và người lao động. Tổng vốn của các HTX đạt gần 2.950 tỷ đồng. Doanh thu năm 2020 đạt trên 3.100 tỷ đồng. Toàn tỉnh đã xây dựng được 62 mô hình HTX kiểu mới điển hình tiên tiến và 103 HTX tham gia chuỗi giá trị, gồm: 70 HTX chè, 18 HTX chăn nuôi và 15 HTX trồng trọt, chế biến nông sản.

Trong số 583 HTX đang hoạt động sản xuất - kinh doanh, có nhiều hợp tác xã đã chủ động tiếp nhận và đưa các kết quả KH&CN từ các viện, trường vào sản xuất kinh doanh và dần làm chủ công nghệ, đây là những hợp tác xã tiềm năng có thể chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và đáp ứng các điều kiện để được chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

4. Tình hình phát triển doanh nghiệp KH&CN tại Thái Nguyên

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có nhiều doanh nghiệp đã tiến hành các hoạt động KH&CN nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, đến nay chưa có nhiều doanh nghiệp phát triển theo hướng chuyển đổi thành doanh nghiệp KH&CN. Tính đến năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp 05 Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, 100% là các doanh nghiệp tư nhân (không có vốn nhà nước).

³ Nguồn: Liên minh HTX tỉnh

- Lĩnh vực cơ khí chế tạo: 01 doanh nghiệp. Sản phẩm KH&CN gồm: dao, phụ tùng của dao băm dăm gỗ, nũa, tre các loại.

- Lĩnh vực y dược: 01 doanh nghiệp. Sản phẩm KH&CN: Cung Nguu Hoàn hỗ trợ điều trị nhồi máu não.

- Lĩnh vực nông nghiệp: 03 doanh nghiệp. Sản phẩm KH&CN gồm: chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi; sản phẩm cơ khí chính xác; quy trình kỹ thuật nhân giống cây dược liệu.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh còn rất khiêm tốn, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực về vốn, công nghệ còn hạn chế, sản phẩm của doanh nghiệp KH&CN chưa nổi bật, chưa có sức cạnh tranh cao. Trong quá trình hoạt động, chưa được hưởng các ưu đãi của doanh nghiệp KH&CN do chưa đủ tiêu chí về tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm KH&CN.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHỨC KH&CN

1. Tình hình phát triển các tổ chức KH&CN trên toàn quốc

Hiện nay, việc đăng ký hoạt động KH&CN được thực hiện theo Luật KH&CN (2013), Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/01/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN, Thông tư số 03/2014/TT-BKH&CN ngày 31/3/2014 của Bộ KH&CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.

Thời gian qua, với cơ sở pháp lý để thành lập, đăng ký hoạt động của các loại hình tổ chức KH&CN ngày càng hoàn thiện, giúp phát triển số lượng, chất lượng của các tổ chức KH&CN ngày càng phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển của KH&CN. Năm 2015, tổng số tổ chức KH&CN là 3.007 thì đến năm 2020 là 4.379, trung bình tăng khoảng 10%/năm.

Bảng 2: Tổng hợp số lượng các Tổ chức KH&CN trên toàn quốc

Số liệu tính đến năm	Loại tổ chức	Tổng số (tổ chức)	Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN cho tổ chức	
			Bộ KH&CN	Các Sở KH&CN
2015	Tổng	3007	1525	1482
	Công lập	1410	789	621
	Ngoài công lập	1597	736	861
2020	Tổng	4379	2258	2121
	Công lập	1979	1071	908
	Ngoài công lập	2400	1187	1213

Nguồn: Văn phòng Đăng ký KH&CN - Bộ KH&CN

2. Tình hình phát triển các tổ chức KH&CN, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại Thái Nguyên

Tính đến năm 2020, đã có 31 tổ chức KH&CN (do Sở KH&CN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động) được thành lập trên địa bàn tỉnh, trong đó có 18 tổ chức KH&CN công lập và 13 tổ chức KH&CN ngoài công lập. Số tổ chức KH&CN còn hoạt động là 24 tổ chức (16 tổ chức KH&CN công lập và 08 tổ chức KH&CN ngoài công lập) và chưa có tổ chức nào đủ điều kiện là cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN. Số tổ chức ngừng hoạt động và giải thể là 07 (02 tổ chức công lập và 05 tổ chức ngoài công lập). Trong tổng số 24 tổ chức KH&CN còn hoạt động, cụ thể:

- Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, nông nghiệp: tổng số 17 tổ chức (14 tổ chức công lập và 03 tổ chức ngoài công lập).

- Lĩnh vực xã hội, nhân văn: tổng số 04 tổ chức (02 tổ chức công lập và 02 tổ chức ngoài công lập).

- Lĩnh vực y dược: tổng số 03 tổ chức (100% tổ chức ngoài công lập).

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có hệ thống tổ chức KH&CN do các cơ quan Trung ương thành lập như: Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi (thuộc Viện Chăn nuôi); Viện Y dược học cổ truyền Thái Nguyên, Viện Kinh tế và Du lịch vùng Đông Bắc (do Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam thành lập); và các tổ chức KH&CN là các cơ sở giáo dục đại học.

Tuy nhiên, nhìn chung điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực của các tổ chức KH&CN còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các tổ chức KH&CN ngoài công lập. Các cơ chế, chính sách, hỗ trợ tổ chức KH&CN còn thiếu, chưa thu hút, phát huy được tiềm năng, nguồn lực để phát triển tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh. Trong số các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh, có một số tổ chức KH&CN có khả năng chuyển đổi thành doanh nghiệp KH&CN.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KH&CN, DOANH NGHIỆP KH&CN

Trong những năm qua, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã nghiên cứu, triển khai tư vấn, dịch vụ chuyển giao KH&CN, sản xuất - cung ứng nhiều loại giống cây, con, quy trình kỹ thuật mới, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đặc biệt là trong nông nghiệp; cung cấp nhiều dịch vụ KH&CN chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận trong vùng. Bên cạnh đó, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã quan tâm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển, thương mại hóa sản phẩm từ kết quả hoạt động KH&CN.

1. Về nghiên cứu, đánh giá phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách

Các tổ chức KH&CN đã thực hiện trên 10 đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nhằm cung cấp thực trạng, đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa, xây dựng mô hình phát triển giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Một số kết quả cụ thể như: giải pháp cấp bách về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc thiểu số Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển; giải pháp phát triển công nghiệp vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam; giải pháp tăng cường liên kết trong sản xuất, tiêu thụ chè giữa các hộ nông dân trồng chè ở tỉnh Thái Nguyên; cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

2. Về kết quả nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống

Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã nghiên cứu, làm chủ được trên 50 quy trình kỹ thuật, công nghệ và được ứng dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm. Trong đó:

- Lĩnh vực nông nghiệp: nghiên cứu, hoàn thiện trên 30 quy trình, công nghệ. Một số quy trình, công nghệ tiêu biểu như: quy trình nuôi trồng sản phẩm Đông trùng hạ thảo; trồng và chăm sóc giống cam, quýt đường không hạt; kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến Trà Hoa Vàng, cây dược liệu; quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm linh chi, nấm hương trên thân gỗ; quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn nái địa phương; kỹ thuật tuyển chọn và nâng cao năng suất giống lợn Nậm Khiếu, dê cỏ Định Hóa.

- Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ: nghiên cứu, hoàn thiện trên 10 quy trình, công nghệ. Một số quy trình, công nghệ tiêu biểu như: quy trình công nghệ chế tạo dao bay, máy băm, các loại phụ tùng cho máy băm dăm gỗ, nứa, tre các loại; công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh, men tiêu hóa dùng trong chăn nuôi.

- Lĩnh vực y dược: nghiên cứu, hoàn thiện trên 10 quy trình, công nghệ. Một số quy trình, công nghệ tiêu biểu như: quy trình công nghệ sản xuất “Cung Ngu Hoàn hỗ trợ điều trị nhồi máu não”, sản xuất sản phẩm “Sạch lòng mạch” trong hỗ trợ điều trị xơ vữa động mạch; quy trình công nghệ sản xuất một số sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, dầu gội Giảo cổ lam.

3. Về cung cấp các dịch vụ về KH&CN và sản xuất, thương mại hóa sản phẩm KH&CN

- Các tổ chức KH&CN đã cung cấp và đáp ứng tốt nhu cầu cho các tổ chức, cá nhân trong tỉnh và khu vực các dịch vụ về KH&CN có chất lượng tốt như: tư vấn chuyển giao công nghệ; dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân, thông tin khoa học và công nghệ; các dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm trong y học, nông nghiệp và môi trường.

- Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh đã tích cực trong nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, đẩy mạnh sản xuất và thương mại hóa sản phẩm KH&CN. Đã có trên 20 sản phẩm hàng hóa, dịch vụ được thương mại hóa từ kết quả KH&CN. Một số sản phẩm chất lượng tốt, uy tín trên thị trường, có giá trị gia tăng cao như: sản phẩm Đông trùng hạ thảo, Trà hoa vàng; Cung Ngu Hoàn hỗ trợ điều trị nhồi máu não; nấm Linh chi; phân mềm thư viện, thư viện điện tử; chế phẩm vi sinh Lactovet, Lactomar.

IV. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KH&CN VÀ DOANH NGHIỆP KH&CN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật

Thời gian qua, tỉnh Thái Nguyên có tốc độ tăng trưởng cao, quy mô kinh tế tương đối lớn là điều kiện thuận lợi để tăng đầu tư cho phát triển KH&CN; đồng thời thúc đẩy đổi mới công nghệ và ứng dụng thành tựu KH&CN trong phát triển kinh tế xã hội.

Trên địa bàn tỉnh có 7.492 doanh nghiệp, 583 HTX, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và có những doanh nghiệp, HTX ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có nhiều trung tâm đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao KH&CN của Đại học Thái Nguyên (là Đại học vùng) và hệ thống nhiều trường đại học, cao đẳng, trung cấp đóng trên địa bàn tỉnh, với định hướng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực.

Bên cạnh đó, đầu tư nguồn lực cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu ngày càng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, kiểm nghiệm, phân tích, cung cấp các dịch vụ công về KH&CN trên địa bàn tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Các phòng thí nghiệm ngày càng hiện đại, một số thiết bị đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện để phát triển và nâng cao năng lực nghiên cứu, triển khai hoạt động KH&CN như: Phòng thí nghiệm ứng dụng Kỹ thuật y học tiên tiến của Trường Đại học Y dược Thái Nguyên; Phòng thí nghiệm Hoá - Lý của Trường Đại học Sư phạm; Phòng thí nghiệm Hoá - Lý - Sinh của Trường Đại học Khoa học; Phòng thí nghiệm Hóa Sinh của Viện Khoa học Sự sống - Đại học Thái Nguyên; Trung tâm thí nghiệm của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển KH&CN nói chung, các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN nói riêng.

2. Điều kiện về nhân lực KH&CN

Thái Nguyên là địa phương có tiềm năng về nhân lực KH&CN. Với lợi thế là trung tâm đào tạo lớn thứ 3 cả nước, có đội ngũ các nhà khoa học là giảng viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Đại học Thái Nguyên có đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy gần 4.000 người, trong đó có 2.543 cán bộ giảng dạy; 151 giáo sư, phó giáo sư; 764 tiến sĩ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ KH&CN làm ở các doanh nghiệp, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử cũng có số lượng tương đối lớn. Theo số liệu điều tra, trung bình giai đoạn 2015 - 2017, số cán bộ khoa học của tỉnh là 52 người/10.000 dân, so với mức trung bình của cả nước từ 10 - 12 người/10.000 dân. Đây là tiềm năng, lợi thế rất lớn của tỉnh về nguồn nhân lực để phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã bước đầu hình thành và phát triển, qua đó nâng cao tiềm lực KH&CN và có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN là cầu nối giúp đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, góp phần hình thành và phát triển thị trường KH&CN của tỉnh.

- Một số sản phẩm, dịch vụ của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN đã đáp ứng tốt nhu cầu trong tỉnh, phát triển ra các tỉnh lân cận và hướng tới xuất khẩu.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Việc hình thành và phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng.

- Trình độ công nghệ của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN nhìn chung còn ở mức trung bình, chưa mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ.

- Đầu tư của doanh nghiệp cho nghiên cứu và triển khai chiếm tỷ lệ rất ít trong tổng chi tiêu của doanh nghiệp. Rất ít doanh nghiệp có cơ sở, bộ phận chuyên trách nghiên cứu ứng dụng. Doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Mạng lưới tổ chức KH&CN chưa hình thành đầy đủ. Cơ sở vật chất, năng lực lãnh đạo quản lý, đội ngũ nhân lực của các tổ chức KH&CN còn yếu và thiếu các chuyên gia có trình độ cao.

b) Nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách về phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN chưa thực hiện đồng bộ và đem lại hiệu quả chưa cao. Nhận thức của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp về vị trí, vai trò của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN chưa thực sự đầy đủ, do một phần thiếu thông tin và chưa được hướng dẫn cụ thể, cũng như chưa chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về chính sách.

- Nhìn chung, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN còn chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu nguồn lực để đầu tư cho hoạt động KH&CN. Sự gắn kết của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại các trường đại học, cao đẳng với các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN vẫn chưa thực sự chặt chẽ.

- Trong những năm qua, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN chưa được quan tâm đầu tư, hỗ trợ đổi mới công nghệ. Còn thiếu các cơ chế, chính sách thực sự tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH&CN nói chung và hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ nói riêng; thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để thúc đẩy hoạt động chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh để hình thành và phát triển các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN của tỉnh.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN; tạo động lực đẩy mạnh ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển các sản phẩm KH&CN.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025:

- Trên địa bàn tỉnh có ít nhất 40 tổ chức KH&CN, 15 doanh nghiệp KH&CN, 02 cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ cho 10 tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN; tạo ra 70 quy trình kỹ thuật, công nghệ; phát triển được từ 25 sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thương mại hóa từ kết quả KH&CN trở lên.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nội dung hỗ trợ của Đề án

1.1. Hỗ trợ các hoạt động về tư vấn, đào tạo

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp đào tạo, tập huấn phổ biến chính sách và hướng dẫn quy trình, thủ tục liên quan đến thành lập tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN cho các cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN, các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, cơ sở ươm tạo và các hợp tác xã.

- Hỗ trợ các hoạt động tư vấn đổi mới công nghệ; tư vấn phát triển doanh nghiệp KH&CN; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định.

- Hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn các tổ chức, doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; chương trình phát triển doanh nghiệp KH&CN; chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trọng điểm, chủ lực; chương trình phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu.

- Đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp KH&CN về xúc tiến đầu tư, thương mại; các hoạt động khuyến công, khuyến nông và tiếp cận các nguồn vốn khác.

1.2. Hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực, đổi mới công nghệ, nghiên cứu hoàn thiện, thương mại hóa sản phẩm và chuyển đổi số.

- Ưu tiên giao kết quả nghiên cứu KH&CN có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu và đủ điều kiện áp dụng nhằm nâng cao năng lực, thương mại hóa sản phẩm, làm cơ sở phát triển doanh nghiệp KH&CN.

- Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu để phát triển ý tưởng, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới. Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm từ việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích để thành lập doanh nghiệp KH&CN.

- Hỗ trợ thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử để quảng bá thông tin, các sản phẩm của doanh nghiệp KH&CN; xây dựng trang thông tin điện tử của cơ sở ươm tạo và các hoạt động quảng bá về cơ sở ươm tạo.

- Hỗ trợ tổ chức KH&CN, doanh nghiệp và hợp tác xã tiềm năng trở thành doanh nghiệp KH&CN đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, góp phần tăng nhanh số lượng tài sản trí tuệ được bảo hộ; khai thác có hiệu quả nguồn tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ các thủ tục cấp phép sản xuất lưu hành đối với các sản phẩm mới hình thành từ kết quả KH&CN; xây dựng, công bố và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm hàng hóa của đơn vị; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng vào hoạt động của đơn vị.

- Hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục thành lập, tổ chức và hoạt động, nội dung chi của Quỹ và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước nhằm giúp doanh nghiệp tăng cường nguồn lực để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp KH&CN xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

1.3. Hỗ trợ các hoạt động đánh giá, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

- Hỗ trợ đánh giá hoạt động và chất lượng dịch vụ của tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đối với các tổ chức KH&CN ngoài công lập vận dụng các quy định đánh giá hoạt động và chất lượng dịch vụ của tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện đánh giá.

- Hỗ trợ hoạt động đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở để đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

- Hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, hồ sơ đối với các tổ chức KH&CN chuyển đổi thành doanh nghiệp KH&CN.

- Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện tại Điều 6, Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN thì phấn đấu rút ngắn 1/3 thời gian thực hiện thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các hướng dẫn, thủ tục, tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các doanh nghiệp KH&CN hưởng chính sách ưu đãi theo quy định về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi tín dụng, ưu đãi về đất đai theo quy định.

- Định kỳ tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, tiếp tục đề xuất các chính sách cải thiện môi trường pháp lý. Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giao quyền, định giá kết quả nghiên cứu để chuyển giao cho tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN khai thác kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa vào sản xuất, kinh doanh.

2.2. Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách về tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN

- Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến về chính sách phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN. Tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về quản lý tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với loại hình doanh nghiệp KH&CN, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động truyền thông về chính sách phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN. Đa dạng hóa công tác truyền thông: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin Website, báo và các tạp chí chuyên ngành, đài phát thanh và truyền hình. Tổ chức tham quan học tập mô hình, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN hoạt động hiệu quả, thành công.

- Tổ chức hoạt động tôn vinh những tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN có đóng góp cho sự phát triển KH&CN cũng như kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tổ chức khảo sát, đánh giá các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kết quả KH&CN, tiềm năng phát triển thành doanh nghiệp KH&CN.

- Tăng cường hỗ trợ, nâng cao vai trò của các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trong việc tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách về doanh nghiệp KH&CN nhằm tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN.

2.3. Thúc đẩy liên kết Viện, Trường đại học và doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN

- Thúc đẩy gắn kết chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tiếp nhận kết quả KH&CN mới để hình thành các doanh nghiệp KH&CN.

- Hình thành và thúc đẩy hoạt động các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các Trường đại học, tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh.

2.4. Rà soát, sắp xếp, đẩy mạnh cơ chế tự chủ các tổ chức KH&CN công lập và phát triển tổ chức KH&CN ngoài công lập

- Xác định các lĩnh vực KH&CN cần ưu tiên phát triển theo từng giai đoạn, tạo điều kiện nâng cao năng lực nghiên cứu, triển khai đối với những tổ chức KH&CN thuộc lĩnh vực ưu tiên. Rà soát, đánh giá các tổ chức KH&CN theo hiệu quả hoạt động để có phương án hỗ trợ một cách hợp lý.

- Tiếp tục sắp xếp, thực hiện cơ chế tự chủ đối với tổ chức KH&CN công lập theo quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập được phê duyệt, hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra.

- Đẩy mạnh phát triển tổ chức KH&CN ngoài công lập, hỗ trợ các tổ chức KH&CN ngoài công lập nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án:

- Tổng kinh phí: 59.470 triệu đồng. Trong đó:

1.1. Ngân sách nhà nước: 16.650 triệu đồng (từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN tỉnh giao hằng năm).

1.2. Huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác: 42.820 triệu đồng, bao gồm:

- Các doanh nghiệp đầu tư kinh phí triển khai thành lập doanh nghiệp KH&CN, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư cho nghiên cứu và triển khai KH&CN, đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, thiết bị, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Nguồn tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

2. Áp dụng quy định quản lý nội dung và kinh phí nhà nước cho các hoạt động của Đề án:

2.1. Hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm; dự án ứng dụng KH&CN; hỗ trợ đổi mới công nghệ:

+ Thực hiện theo Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên;

+ Nội dung và định mức hỗ trợ: theo Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên và các quy định khác có liên quan.

2.2. Các nhiệm vụ hỗ trợ khác: nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm chủ trì triển khai thực hiện Đề án, xây dựng các chương trình, đề tài, dự án nhằm phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai có hiệu quả.

- Tuyên truyền các cơ chế, chính sách, hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoặc tham gia các chương trình, đề tài, dự án về phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết triển khai các nội dung, hoạt động hỗ trợ của đề án hằng năm.

- Tổng hợp, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp số liệu về doanh nghiệp để phục vụ công tác khảo sát, đánh giá phát triển doanh nghiệp KH&CN; tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp khi thành lập mới; khi có điều chỉnh về ngành, nghề để thành lập doanh nghiệp KH&CN.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, tiếp nhận, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN các chính sách về đất đai, môi trường theo quy định.

5. Cục thuế tỉnh

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, tiếp nhận, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN thụ hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN thực hiện các chính sách ưu đãi tín dụng theo quy định.

7. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án, gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Bố trí kinh phí, lồng ghép với nguồn vốn hỗ trợ của Đề án để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án của ngành, địa phương.

8. Các hội, hiệp hội doanh nghiệp

- Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về các nội dung, chính sách của Đề án.

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, kiến nghị với UBND tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời tháo gỡ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển./.

PHỤ LỤC

Biểu số 1: Tổng hợp các nhiệm vụ chính hỗ trợ thực hiện của Đề án trong giai đoạn 2021-2025

TT	Nội dung	Dự kiến kết quả	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
			Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
1	<i>Nội dung 1:</i> Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chính sách phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN	200 lượt cán bộ quản lý các cấp; 500 lượt người tại tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã	100	
2	<i>Nội dung 2:</i> Tổ chức đánh giá, khảo sát các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, hợp tác xã tiềm năng phát triển thành doanh nghiệp KH&CN	100 tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã	100	
3	<i>Nội dung 3:</i> Tổ chức Triển lãm, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Hội chợ, triển lãm về KH&CN	20 lượt tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia	150	200
4	<i>Nội dung 4:</i> Tổ chức tham quan học tập mô hình, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN hoạt động hiệu quả, thành công	100 lượt người tại các sở, ngành liên quan, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, hợp tác xã	100	120
5	<i>Nội dung 5:</i> Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu để phát triển ý tưởng, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới; sản xuất thử nghiệm từ việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích	10 đơn vị	6.000	15.000

TT	Nội dung	Dự kiến kết quả	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
			Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
6	<i>Nội dung 6:</i> Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	05 doanh nghiệp	1.200	3.000
7	<i>Nội dung 7:</i> Hỗ trợ thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử để quảng bá thông tin, các sản phẩm của doanh nghiệp KH&CN, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo, doanh nghiệp KH&CN	5 đơn vị	1.000	2.000
8	<i>Nội dung 8:</i> Hỗ trợ đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp nhỏ và vừa (tập trung các nội dung hỗ trợ theo hướng dẫn của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030)	10 đơn vị	7.000	20.000
9	<i>Nội dung 9:</i> Các nội dung hỗ trợ khác và sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án		1.000	2.500
	Tổng cộng:	59.470	16.650	42.820

Biểu số 2: Phân kỳ nguồn vốn đầu tư thực hiện của Đề án trong giai đoạn 2021-2025*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

TT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		PHÂN KỲ									
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
1	<i>Nội dung 1:</i> Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chính sách phát triển tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN	100	100		20		20		20		20		20	
2	<i>Nội dung 2:</i> Tổ chức đánh giá, khảo sát các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, hợp tác xã tiềm năng phát triển thành doanh nghiệp KH&CN	100	100		20		20		20		20		20	
3	<i>Nội dung 3:</i> Tổ chức Triển lãm, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Hội chợ, triển lãm về KH&CN	350	150	200	30	40	30	40	30	40	30	40	30	40
4	<i>Nội dung 4:</i> Tổ chức tham quan học tập mô hình, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN hoạt động hiệu quả, thành công	220	100	120	20	24	20	24	20	24	20	24	20	24

TT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		PHÂN KỲ									
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
5	<i>Nội dung 5:</i> Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu để phát triển ý tưởng, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới; sản xuất thử nghiệm từ việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích	21.000	6.000	15.000	1.200	3.000	1.200	3.000	1.200	3.000	1.200	3.000	1.200	3.000
6	<i>Nội dung 6:</i> Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ.	4.200	1.200	3.000	240	600	240	600	240	600	240	600	240	600
7	<i>Nội dung 7:</i> Hỗ trợ thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử để quảng bá thông tin, các sản phẩm của doanh nghiệp KH&CN, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo, doanh nghiệp KH&CN	3.000	1.000	2.000	200	400	200	400	200	400	200	400	200	400

TT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		PHÂN KỲ									
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác	Sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
8	Nội dung 8: Hỗ trợ đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp nhỏ và vừa (tập trung các nội dung hỗ trợ theo hướng dẫn của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030)	27.000	7.000	20.000	1.400	4.000	1.400	4.000	1.400	4.000	1.400	4.000	1.400	4.000
9	Nội dung 9: Các nội dung hỗ trợ khác và sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án	3.500	1.000	2.500	200	500	200	500	200	500	200	500	200	500
	Tổng cộng	59.470	16.650	42.820	3.330	8.564	3.330	8.564	3.330	8.564	3.330	8.564	3.330	8.564